

Số 96 /BC-PTHH

Hải Phòng, ngày 13 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI**  
**Năm báo cáo: 2020**

**I. Thông tin chung:**

**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200580975, thay đổi lần thứ 11, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hải Phòng cấp ngày 08/8/2019
- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 90.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 11 Võ Thị Sáu, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Số điện thoại: 0225.3836379
- Số fax: 0225.3836151
- Website: www.vimadeco.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): VMS

**2. Quá trình hình thành và phát triển:**

- Công ty được thành lập ngày 30/10/1992 với tên gọi Tổng công ty Phát triển Hàng hải theo quyết định số 2444-QĐ/TCCB-LĐ của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.
- Quyết định số 1195/QĐ/TCCB-LĐ ngày 16/6/1993 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước Công ty Phát triển Hàng hải.
- Quyết định số 3562/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển DNNN Công ty Phát triển Hàng hải, đơn vị thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty cổ phần với số vốn điều lệ là 40.000.000.000 đồng
- Ngày 01/6/2007 Công ty tăng vốn điều lệ lên 60.000.000.000 đồng.
- Ngày 11/2/2015 Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 90.000.000.000 đồng.
- Ngày 20/10/2015 Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).



### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh chính:

+ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

+ Cho thuê kho, bãi;

+ Khai thác ICD;

+ Đại lý và cho thuê, mua bán container, rơ moóc;

+ Sửa chữa vỏ container;

+ Dịch vụ logistics; Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuê hải quan; Dịch vụ vận tải đa phương thức;

+ Dịch vụ cung cấp nhiên liệu;

- Địa bàn kinh doanh (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất): Hải Phòng, Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

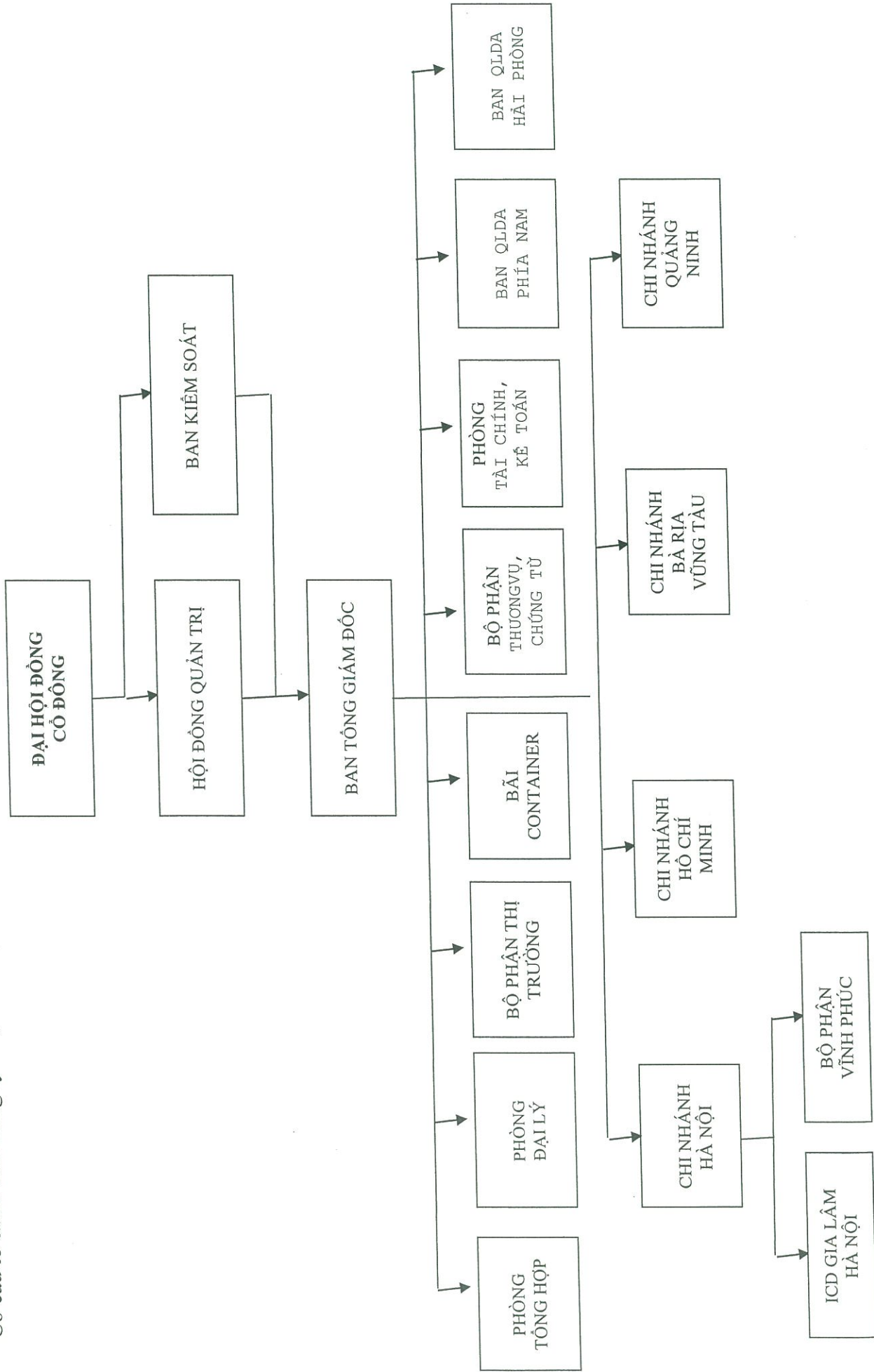
### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

- Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty.

**Sơ đồ tổ chức:**

Cơ cấu tổ chức của Công ty được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:



## **5. Các công ty con, công ty liên kết:**

### **Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu:**

Địa chỉ: số 46B Chùa Vẽ, phường Đông Hải I, quận Hải An, Tp.Hải Phòng

Loại hình Công ty: Công ty cổ phần

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch vụ hàng hải

Vốn điều lệ: 22.400.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của doanh nghiệp tại Công ty liên kết: 24,01% vốn điều lệ (5.400.000.000 đồng)

## **6. Định hướng phát triển:**

- Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Bên cạnh việc kinh doanh các ngành nghề truyền thống, mục tiêu xây dựng công ty đến năm 2025 trở thành một trong những doanh nghiệp lớn mạnh, cung cấp giải pháp cho chuỗi cung ứng giao nhận vận tải cho các doanh nghiệp, khách hàng trong và ngoài nước đặc biệt chiếm lĩnh thị phần tại khu vực Miền Trung đến ĐBSCL.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- + Tập trung phát triển nguồn nhân lực trẻ, có trình độ, nhiệt huyết với công ty. Xây dựng đội ngũ Tâm – Tài – Đức với phương châm tổ chức vì cá nhân và cá nhân cống hiến cho tổ chức.
- + Tập trung đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, tìm kiếm khách hàng và phát triển thêm các dịch vụ mới.
- + Phát triển dịch vụ đại lý tàu biển.
- + Phát triển dịch vụ logistic, vận chuyển hàng door – door. Tham gia với các doanh nghiệp của TCT phát triển dịch vụ chuỗi logistics của VIMC cung cấp cho khách hàng.
- + Đẩy mạnh dịch vụ vận chuyển hàng rời đặc biệt là mặt hàng nông sản, phân bón, vật liệu xây dựng.
- + Hợp tác với các đơn vị thành viên TCT xây dựng ICD, kho bãi tại các khu vực Đồng Nai, Bình Dương và các khu vực lân cận với mục tiêu kết nối dịch vụ khu vực cảng Cái Mép đến các khu vực Đông và Tây nam bộ.
- + Thành lập các kho bãi mới phù hợp với nhu cầu sử dụng của các khách hàng khu công nghiệp.
- + Xây dựng phương án vận tải thủy nội địa cung cấp cho các khách hàng tại khu công nghiệp.
- + Xây dựng lại hệ thống quy trình tiêu chuẩn được số hóa, tinh gọn và cải tiến liên tục nhằm cung cấp cho khách hàng dịch vụ có chất lượng tốt nhất.
- + Phát triển hệ thống công nghệ thông tin dựa trên nền tảng dữ liệu tập trung, triển khai chữ ký số điện tử, áp dụng công nghệ để chuyển đổi số hóa trong quản lý và cung ứng dịch vụ.

## 7. Các rủi ro:

\* Nguyên nhân khách quan:

+ Thị phần khai thác container shipping dành cho các doanh nghiệp khai thác depot đơn thuần ngày càng thu hẹp do các hãng tàu nước ngoài có xu hướng liên doanh, liên kết với các cảng biển hoặc tự tổ chức khai thác để khép kín dịch vụ, hạn chế sử dụng các bãi container ngoài dẫn đến sự cạnh tranh rất quyết liệt giữa các doanh nghiệp khai thác depot. Bên cạnh đó, phương thức sử dụng container Round Use quay vòng container giữa các nhà máy đang bắt đầu được vận hành và hiệu quả giảm thiểu chi phí và thời gian cho khách hàng.

+ Tại Hải Phòng, các hãng tàu nước ngoài đã giảm khai thác các tàu cỡ nhỏ và đưa tàu mẹ vào khai thác tại cảng Lạch Huyện nên sản lượng container tại khu vực Chùa Vẽ và Đình Vũ ngày càng giảm. Các depot của Công ty đều có vị trí địa lý cách xa trung tâm cảng Đình Vũ nên gần như không thể cạnh tranh được với các doanh nghiệp khác.

+ Tại TP. HCM các depot của Công ty nằm tại các vị trí gần các cụm công nghiệp, xa cảng nên có sự cạnh tranh gay gắt về phương thức tiếp cận hãng tàu trong việc sử dụng depot. Các khu đất đều không có cơ sở pháp lý đầy đủ, đất thuê ngắn hạn hàng năm và bị nằm trong quy hoạch đã ảnh hưởng rất nhiều đến công tác đầu tư, duy tu, sửa chữa dẫn đến làm giảm tính cạnh tranh và rất khó khăn trong công tác duy trì, phát triển khách hàng container shipping.

+ Dịch vụ vận tải thường xuyên bị các nhà vận chuyển mới cạnh tranh phá giá khiến Vimadeco phải chia sẻ giảm sản lượng và giảm giá cước, trong khi giá cước đầu vào khó thay đổi.

+ Ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 tác động đến toàn bộ nền kinh tế, gây ra gián đoạn trong chuỗi cung ứng toàn cầu và ảnh hưởng gây mất cân bằng trong lượng hàng hóa xuất nhập khẩu.

\* Nguyên nhân chủ quan:

- Khả năng tài chính của Công ty hạn chế, không dùng vốn vay trong công tác đầu tư, chưa thể tăng vốn điều lệ do thời điểm chưa phù hợp nên rất khó khăn trong việc tìm kiếm quỹ đất phù hợp để đầu tư kho, bãi tại Hải Phòng và Tp. Hồ Chí Minh.

- Khó khăn trong cạnh tranh với các đơn vị tư nhân bên ngoài về cơ chế chính sách cho khách hàng để phát triển thị trường, tìm kiếm khách hàng mới.

- Công tác phát triển thị trường chưa thực sự mang lại hiệu quả.

- Công nợ gối đầu cao nên gặp khó khăn về dòng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác đầu tư. Đối với một số công nợ quá hạn phải trích lập dự phòng với số tiền nhiều cũng ảnh hưởng đến hiệu quả của Công ty. Mặc dù Công ty cũng thường xuyên đôn đốc thu hồi công nợ nhưng do ngành vận tải là ngành có nhiều yếu tố dẫn đến rủi ro nên bản thân khách hàng cũng gặp rủi ro trong hoạt động vận chuyển, ảnh hưởng đến nguồn tiền và khả năng thanh toán cho Công ty.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm:**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Dịch vụ kho bãi chủ yếu vẫn là hợp tác kinh doanh với các đơn vị truyền thống và cung cấp dịch vụ cho các hãng container leasing. Năm 2020 tương đối thuận lợi trong 06 tháng đầu năm đối với dịch vụ khai thác container leasing tuy nhiên từ tháng 07/2020 đến nay, do ảnh hưởng của dịch Covid 19 lượng container đóng hàng XNK thiếu hụt trầm trọng tại VN, các hãng LEASING mà depot chúng ta khai thác cho thuê gần hết nên stock giảm mạnh trên depot kéo theo dịch vụ nâng hạ, sửa chữa cũng giảm theo và dự kiến stock tiếp tục duy trì mức thấp trong quý 1/2021.

Thị trường vận tải bộ năm 2020 tiếp tục là một năm nhiều khó khăn. Ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 và lượng cung vượt cầu dẫn đến giá cước bị cạnh tranh gay gắt và không thể tăng được mặc dù các chi phí đầu vào tăng cao.

Thị trường dịch vụ giao nhận vận chuyển container năm 2020 ổn định đặc biệt dịch vụ vận chuyển hàng door to door đã phát triển hơn so với năm 2019. Thị trường vận tải hàng rời Công ty vẫn tiếp tục các chuyến vận tải đường biển và xà lan cho các khách hàng truyền thống. Ngoài ra Công ty chủ động tham gia với các thành viên TCT vào các chuỗi cung ứng dịch vụ cho khách hàng lớn tạo nên một dịch vụ khép kín.

Đặc điểm của dịch vụ cấp nhiên liệu là ảnh hưởng nhiều bởi nhân tố khách quan: giá dầu thế giới, điều hành kinh tế vĩ mô của Nhà nước. Theo Nghị định 83 của Bộ Công thương quản lý giá dầu bán ra, giá đầu vào phụ thuộc đầu mối Petrolimex nên hiệu quả của đơn vị ảnh hưởng rất nhiều bởi chính sách Nhà nước. Lợi nhuận của dịch vụ này chủ yếu phụ thuộc vào chiết khấu của các doanh nghiệp đầu mối. Do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 dẫn đến giá dầu biến động mạnh khó lường, chiết khấu giảm thậm chí có lúc bị âm nên ảnh hưởng phần nào tới doanh thu. Tuy nhiên Chi nhánh BR-VT đã nỗ lực toàn diện để tìm kiếm các khách hàng mới, mở rộng phạm vi cung cấp nhiên liệu, nhờ đó đã tăng được doanh thu, lợi nhuận. Năm 2020 doanh thu đạt 238,806 tỷ đồng, đạt 101,4% kế hoạch và bằng 97,3% so với thực hiện năm 2019, lợi nhuận đạt 14,240 tỷ đồng đạt 178 % kế hoạch và bằng 182 % so với thực hiện năm 2019. Đây là một sự cố gắng rất lớn của tập thể lãnh đạo và CBCNV trong toàn Công ty. Đặc biệt cuối năm 2020, Công ty đã đưa cây dầu tại bãi Vimadeco Đông Hải, Hải Phòng vào hoạt động và dự kiến sẽ phát triển khách hàng trong năm 2021.

Năm 2020 Công ty đã phát triển thêm dịch vụ mới là dịch vụ đại lý tàu. Đây là dịch vụ mới triển khai nên còn gặp nhiều khó khăn nhất là về nhân sự. Mặc dù dịch vụ này ban đầu chưa đem lại doanh thu và lợi nhuận hấp dẫn nhưng đây là cơ hội để Công ty phát triển thêm các dịch vụ gia tăng khác trên nền tảng dịch vụ này.

### **2. Tổ chức và nhân sự:**

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác):

+ Ông Đoàn Ngọc Tú – Tổng giám đốc Công ty

Ngày sinh: 09/4/1979

Nơi sinh: Hải phòng

Số CMND: 031079001279

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 169 Hùng Duệ Vương, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ ngành Tổ chức và Quản lý vận tải

Chức vụ hiện tại: Tổng giám đốc Công ty

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

**+ Ông Nguyễn Chí Kiên – Phó Tổng giám đốc Công ty**

Ngày sinh: 25/01/1963

Nơi sinh: Hải phòng

Số CMND: 030090579

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 38/120 Lê Lợi, Ngô Quyền, Hải Phòng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 49.500 CP (0.55%)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

**+ Mai Tiến Sỹ – Phó Tổng giám đốc Công ty**

Ngày sinh: 26/8/1969

Nơi sinh: Hải phòng

Số CMND: 024395033

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 76 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, TPHCM  
Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc Công ty

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 1.550 CP (0.0172%)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

**+ Hoàng Thanh Hải – Phó Tổng giám đốc Công ty (Miễn nhiệm ngày 30/6/2020, bầu Chủ tịch HĐQT từ ngày 30/6/2020)**

Ngày sinh: 27/6/1975

Nơi sinh: Hải phòng

Số CMND: 031075003060

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: A9 Lô 12 ĐTM Định Công, Hà Nội

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc Công ty (Miễn nhiệm ngày 30/6/2020, bầu Chủ tịch HĐQT từ ngày 30/6/2020)

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0 CP

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

**+ Bà Bùi Thị Thu Hà – Phó Trưởng phòng Phụ trách Phòng TCKT Công ty (Miễn nhiệm ngày 17/01/2020).**

Ngày sinh: 17/8/1976

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 031176004271

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 48, Lê Chân, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng      Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế



Chức vụ hiện tại: Phó Trưởng phòng Phụ trách phòng TCKT Công ty (bổ nhiệm từ 30/10/2019), miễn nhiệm ngày 17/01/2020

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0CP (0%)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

**+ Bà Trần Thị Hằng – Phó Trưởng phòng Phụ trách Phòng TCKT Công ty (bổ nhiệm từ ngày 17/01/2020)**

Ngày sinh: 30/7/1980

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 031038060

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 30/29 Hai Bà Trưng, An Biên, Hải Phòng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán

Chức vụ hiện tại: Phó Trưởng phòng Phụ trách phòng TCKT Công ty (bổ nhiệm ngày 17/01/2020)

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0CP (0%)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

Từ 17/01/2020, bà Bùi Thị Thu Hà thôi giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Phụ trách Phòng TCKT Công ty, giao nhiệm vụ cho Bà Trần Thị Hằng – Phó Trưởng phòng nhận nhiệm vụ Phụ trách Phòng TCKT Công ty.

Từ 30/6/2020, ông Hoàng Thanh Hải thôi giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty để nhận nhiệm vụ Chủ tịch HĐQT Công ty.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tại thời điểm 01/01/2020 là 175 người, tại 31/12/2020 là 166 người. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động: Công ty đảm bảo đời sống và thu nhập cho CBCNV, thực hiện trả lương đúng và đủ cho người lao động. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động, trích nộp BHXH, BHYT, BHTN đúng theo quy định hiện hành.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

#### **a) Các khoản đầu tư lớn:**

- Cung cấp, lắp đặt cây dầu di động tại Bãi container Đông Hải: 148,5 triệu đồng, thực hiện

trong Quý IV năm 2020;

- Xây dựng công Bãi container Đông Hải: 199,8 triệu đồng, thực hiện trong Quý IV năm 2020.

**b) Một số vấn đề liên quan đến các dự án của Công ty:**

**- Chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất tại ICD Gia Lâm:**

Vimadeco đang sử dụng khai thác ICD Gia Lâm theo hợp đồng thuê đất hàng năm. Từ ngày 03/07/2017 đến 23/10/2019, Công ty đã có các văn bản trình Tổng công ty Hàng hải Việt Nam Báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý đối với cơ sở nhà, đất tại ICD Gia Lâm là chuyển nhượng tài sản trên đất thông qua hình thức đấu giá, áp dụng theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

Ngày 06/11/2020, sau khi xin ý kiến của các Bộ ban ngành, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam ban hành văn bản số 2624/HHVN-ĐT về việc phương án sắp xếp lại, xử lý đối với cơ sở nhà đất tại ICD Gia Lâm, Hà Nội. Theo đó, việc thực hiện xử lý tài sản trên đất tại ICD Gia Lâm theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan.

**- Hợp tác kinh doanh, hợp tác đầu tư các dự án tại ICD Phước Long, Khu chung cư Phước Long A và Khu nhà ở Phước Bình tại quận 9, Tp.Hồ Chí Minh:**

Các dự án do Công ty quản lý chưa hoàn tất được thủ tục pháp lý, có thể bị thu hồi: ICD Phước Long phải di dời; Dự án Phước Long A chưa triển khai được việc HTĐT trong khi ông Nguyễn Văn Lộ khởi kiện Công ty ra Tòa về việc đòi lại 3809,1 m<sup>2</sup> đất tại dự án (Depot Nam Hòa hiện hữu), vụ việc đang được TAND quận 9 thụ lý, chưa xét xử; Dự án Phước Bình chưa có ý kiến của VIMC nên không triển khai được việc HTĐT trong khi các hộ dân tiếp tục lấn chiếm hơn 2.000 m<sup>2</sup> đất khó có thể thu hồi được vv...

Việc HTKD, HTĐT với đối tác tại các dự án ICD Phước Long, dự án Phước Long A chưa triển khai được chủ yếu do điều khoản quy định Công ty phải chiếm tỷ lệ chi phối (51%) trong hợp đồng HTKD hoặc trong pháp nhân mới thực hiện HTĐT và việc Công ty chưa được ký kết hợp đồng HTKD, HTĐT với đối tác.

Để tư vấn pháp lý trong việc HTKD, HTĐT, Công ty đã ký kết hợp đồng với các đơn vị tư vấn pháp lý để tư vấn cho Công ty xem xét, đánh giá quá trình đã thực hiện và đề xuất các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện HTKD, HTĐT các dự án.

**c) Các vấn đề khác liên quan đến quản lý, sử dụng đất của Công ty tại Tp.Hồ Chí Minh.**

**- Về việc bồi thường GPMB XLHN:**

Ngày 24/7/2020, Công ty đã có văn bản số 140/PTHH-TH gửi Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị xem xét hỗ trợ, bồi thường GPMB trên diện tích đất Công ty đã bàn giao thuộc lộ giới xa lộ Hà Nội.

Ngày 20/10/2020, Ban đổi mới quản lý doanh nghiệp có văn bản số 389/ĐMDN gửi UBND Tp.Hồ Chí Minh về việc thực hiện chỉ đạo Công văn số 3314/UBND-ĐT của UBND thành phố. UBND thành phố đã chuyển văn bản đề Sở Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, tham mưu theo quy định.

- Báo cáo cập nhật phương án và kế hoạch di dời ICD Phước Long theo quy hoạch của Tp.Hồ Chí Minh:

Ngày 22/02/2021, Công ty đã phát hành và trình UBND Tp.Hồ Chí Minh, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Báo cáo cập nhật Phương án di dời ICD Phước Long theo quy hoạch của Tp.Hồ Chí Minh.

**đ) Các công ty con, công ty liên kết** (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/

\* Công ty cổ phần Phát triển Hàng hải chiếm 24,01% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu.

Hoạt động chính của Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu là dịch vụ hàng hải

Công ty dự kiến kết quả kinh doanh năm 2020 như sau:

Doanh thu:	30.115.654.555 đồng
Lợi nhuận trước thuế:	4.921.953.865 đồng
Nộp NSNN:	927.781.335 đồng

#### 4. Tình hình tài chính:

##### a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	257.050.917.005	268.336.190.527	+4,3%
Doanh thu thuần	237.859.262.045	232.243.606.863	-2,4%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/	7.368.934.396	11.104.046.730	+50,7%
Lợi nhuận khác	449.315.433	3.136.490.502	+598%
Lợi nhuận trước thuế	7.818.249.829	14.240.537.232	+82%
Lợi nhuận sau thuế	6.366.276.907	11.453.429.786	+80%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

##### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,31	2,54	

Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	2,27	2,5	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,42 0,73	0,41 0,7	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> + Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân Doanh thu thuần/Tổng tài sản	111 0,92	85 0,87	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/</i> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,04 0,024 0,03	0,07 0,04 0,05	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 9.000.000 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông (tại ngày 26/3/2021):

STT	Cổ đông	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số lượng CP nắm giữ
1	<b>Cổ đông trong nước</b>		
	Tổ chức	52,89	4.760.104
	Cá nhân	47,11	4.239.685
2	<b>Cổ đông nước ngoài</b>		
	Tổ chức	0	0

	Cá nhân	0,0023	209
3	<b>Cổ phiếu quỹ</b>		2

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v:

Không thay đổi

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch:

Không thay đổi

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán:

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty):

#### 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

*Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	2020		Tỷ lệ % so với KH	Tỷ lệ % so với cùng kỳ năm trước
		Kế hoạch	Thực hiện		
Doanh thu	242.059	235.500	238.806	101	98,6
Lợi nhuận trước thuế	7.818	8.000	14.240	178	182
Nộp NSNN	Theo quy định	Theo quy định	Theo quy định		

#### 2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Tổng tài sản đầu kỳ của Công ty là: 257.050.917.005 đồng trong đó tài sản ngắn hạn là: 129.210.882.218 đồng và tài sản dài hạn là: 127.840.034.787 đồng.

Tổng tài sản cuối kỳ của Công ty là: 268.336.190.527 đồng trong đó tài sản ngắn hạn là: 143.906.610.060 đồng và tài sản dài hạn là: 124.429.580.467 đồng.

Tổng tài sản cuối kỳ tăng 4% so với đầu kỳ trong đó: Tài sản ngắn hạn tăng 11,4 % chủ yếu do đầu tư tài chính ngắn hạn tăng, tài sản dài hạn giảm 3% do giảm tài sản dài hạn khác.

b) Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Nợ phải trả của Công ty đầu kỳ là: 109.259.704.813 đồng trong đó nợ ngắn hạn là: 55.870.108.338 đồng và nợ dài hạn là 53.389.596.475 đồng.

Nợ phải trả cuối kỳ của Công ty là: 110.928.527.847 đồng trong đó nợ ngắn hạn là: 56.636.761.133 đồng và nợ dài hạn là 54.291.766.714 đồng.

Nợ phải trả cuối kỳ tăng nhẹ so với số đầu kỳ.

Công ty hầu như không có khoản nợ phải trả xấu, chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty không có các khoản vay nên không bị ảnh hưởng bởi chênh lệch lãi vay.

Liên quan đến Dự án Phước Bình, giá trị 53,658 tỷ đồng nợ phải trả dài hạn tương đương với tài sản, chiếm 19,9% tổng nguồn vốn/tổng tài sản.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

- Nâng cao năng suất chất lượng nhân sự đặc biệt là nhân sự marketing.
- Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cho Công ty và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện có bằng những lớp đào tạo nghiệp vụ để phù hợp yêu cầu phát triển của Công ty.
- Xây dựng mạng lưới khách hàng tiềm năng, chú trọng đến thị trường 3 nước Đông Dương.
- Phát triển và tiến đến trở thành các nhà khai thác NVOCC về hàng rời vận chuyển nông sản, sắt thép, hàng thiết bị, siêu trường siêu trọng cho khách hàng trong và ngoài nước.
- Phát triển kho lạnh cho thị trường đặc thù ĐBSCL.
- Tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh và quản lý.
- Thường xuyên và tích cực trong công tác thu hồi công nợ, đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin để ứng dụng trong sản xuất kinh doanh và quản lý.

#### **5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)**

Không có

### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần):**

#### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Năm 2020, năm cuối của kế hoạch phát triển 5 năm 2016 - 2020, Công ty đã tập trung đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh với trọng tâm phát triển thị trường, mở rộng lĩnh vực hoạt động, tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, đổi mới quy trình quản lý hoạt động, đẩy mạnh tái cơ cấu tài chính, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 đã đề ra, trong đó tổng doanh thu đạt 238,806 tỷ đồng, tăng 1,4% kế hoạch; lợi nhuận đạt 14,240 tỷ đồng, tăng 78 % kế hoạch.

Bên cạnh đó, vẫn có không ít những khó khăn, thách thức ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành hàng hải nói chung và Công ty nói riêng: Tác động tiêu cực từ dịch bệnh

Covid đến nền kinh tế thế giới, các chính sách bảo hộ thương mại của nhiều đối tác lớn chính thức áp dụng với nhiều hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam; Sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực, với khả năng tài chính mạnh, sự linh hoạt tối ưu trong các cơ chế đối với khách hàng, công tác thị trường tiếp tục là những yếu tố bất lợi, trực tiếp tác động tới hoạt động SXKD của Công ty.

Đồng thời, Công ty vẫn còn một số hạn chế như: Thị trường dịch vụ còn hẹp với thị phần thấp, khả năng tìm kiếm thị trường mới chưa được thúc đẩy mạnh, vị trí kho, bãi của Công ty nằm xa trung tâm khai thác cảng của khu vực; quy mô đầu tư nhỏ với thiết bị chưa đồng bộ nên rất khó khăn trong công tác phát triển thị trường; Việc đầu tư, mở rộng hệ thống kho bãi để phục vụ phát triển SXKD chưa thực hiện được; Năng lực của cán bộ làm thị trường còn hạn chế, đội ngũ cán bộ làm thị trường còn thiếu cả về số lượng và chất lượng; Hoạt động dịch vụ của các đơn vị trực thuộc trong Công ty tương đối độc lập, chưa tạo sự được gắn kết để thúc đẩy giá trị gia tăng, hình thành các chuỗi dịch vụ khép kín.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty:**

HĐQT thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành. Trong năm 2020, mặc dù có rất nhiều khó khăn, ảnh hưởng do dịch Covid tiếp tục bùng phát nhưng Ban TGDĐ đã nỗ lực phấn đấu để hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD mà ĐHCĐ, HĐQT giao, đặc biệt đã có sự tăng trưởng vượt bậc về lợi nhuận, đây là kết quả rất đáng trân trọng. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, việc thực hiện một số Nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT chưa được kịp thời, chưa đảm bảo thời gian theo yêu cầu tiến độ của HĐQT.

Trong thời gian tới, Ban TGDĐ cần tập trung giải quyết dứt điểm những vấn đề còn tồn đọng, đẩy mạnh hoạt động phát triển SXKD, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHCĐ, HĐQT giao, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của HĐQT và triển khai hiệu quả các giải pháp trọng tâm đã được thông qua.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

Năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục chỉ đạo hoạt động của Công ty để hoàn thành các mục tiêu, chiến lược, kế hoạch phát triển SXKD đã đề ra. Giám sát và chỉ đạo kịp thời Ban điều hành Công ty trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT Công ty. Theo đó, HĐQT Công ty xây dựng kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2021 để chỉ đạo Ban điều hành Công ty, cụ thể như sau:

- Tìm kiếm và hiện thực hóa các cơ hội thị trường để đạt mục tiêu tăng doanh thu, lợi nhuận.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng các dịch vụ tạo giá trị gia tăng bên cạnh các dịch vụ truyền thống; nghiên cứu xây dựng giải pháp thay thế những dịch vụ bị thu hẹp do xu hướng dịch chuyển; tiếp tục nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng quỹ đất; tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của hệ thống kho bãi tại các khu vực.

- Tập trung nguồn lực đầu tư và hình thành được các Trung tâm dịch vụ logistics có quy mô hiện đại, đồng bộ tại khu vực vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và phía Bắc; Phối hợp với các doanh nghiệp trong Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thực hiện các dịch vụ chuỗi trên cơ sở tích hợp thế mạnh của ba khối vận tải biển, cảng biển, dịch vụ hàng hải

nhằm đạt hiệu quả cao nhất. Phối hợp với Tổng công ty trong việc thực hiện đầu tư khu hậu cần dịch vụ logistics tại khu cảng nước sâu Lạch Huyện, tạo quỹ đất cho Công ty xây dựng Trung tâm tiếp vận và sửa chữa container phục vụ SXKD trong các giai đoạn tiếp theo.

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, nâng cao năng suất lao động và chất lượng nguồn nhân lực; cơ chế đánh giá hiệu quả công việc và cơ chế lương thưởng thu hút người lao động.

- Chuẩn hóa các quy trình nội bộ, quy trình tác nghiệp, quy định liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty nhằm cung cấp cho khách hàng dịch vụ có chất lượng tốt nhất.

- Tiếp tục triển khai việc thực hiện hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh đối với các dự án phía Nam, giải quyết tồn đọng của dự án đầu tư Khu nhà ở Phước Bình; hoàn thành phương án sắp xếp lại, xử lý, nhà đất tại ICD Gia Lâm, Hà Nội; hoàn thành việc chuyển nhượng vốn đầu tư của Vimadeco tại VNLSY.

- Xây dựng văn hóa Công ty với phương châm luôn luôn lắng nghe, sẵn sàng chia sẻ, lấy khách hàng làm trung tâm để phục vụ với tinh thần nhiệt tình nhất. Đẩy mạnh công tác thị trường, duy trì khách hàng hiện hữu, phát triển thêm khách hàng mới.

- Xây dựng môi trường làm việc năng động, sáng tạo, kỷ luật, gắn kết để người lao động an tâm công tác và cống hiến; Tham gia bảo vệ môi trường và trách nhiệm an sinh xã hội.

## **V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này):**

### **1. Hội đồng quản trị:**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Số lượng chức danh thành viên HĐQT/ HĐTV tại các Công ty khác	Ghi chú
1	Ông Hoàng Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	0%		
2	Ông Đoàn Ngọc Tú	TV HĐQT	0%	0	
3	Ông Nguyễn Chí Kiên	TV HĐQT	0,55%	0	
4	Ông Vũ Trường Giang	TV HĐQT	0,535%	1	
5	Nguyễn Thị Minh	TV HĐQT	0%	2	



Nguyệt	độc lập		
--------	---------	--	--

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban: Không có tiểu ban thuộc HĐQT).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ.

Hội đồng quản trị họp định kỳ/ đột xuất để tổng kết công tác hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra phương hướng kế hoạch cho thời gian tới.

Hội đồng quản trị hiện nay của Công ty có 05 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm.

Hội đồng quản trị giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

Hàng quý, năm, đột xuất, Hội đồng quản trị tổ chức họp để kiểm điểm, đánh giá các công tác hoạt động sản xuất kinh doanh và đề ra phương hướng cho kế hoạch tiếp theo.

Trong năm 2020, HĐQT Công ty đã tổ chức họp 13 phiên, lấy ý kiến các TV HĐQT bằng văn bản/ email 12 lần và đã quyết định các vấn đề quan trọng như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	04/NQ-PTHH	08/01/2020	Nghị quyết về việc phát hành bảo lãnh tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam
2	06/NQ-PTHH	16/01/2020	Nghị quyết về công tác cán bộ
3	23/NQ-PTHH	20/3/2020	Nghị quyết về việc ký kết Hợp đồng giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan trong nội bộ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
	32/NQ-PTHH	15/4/2020	Nghị quyết thông qua việc điều chuyển cán bộ
5	40/NQ-PTHH	07/5/2020	Nghị quyết về thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
6	44/QĐ-PTHH	24/6/2020	Quyết định về việc điều chỉnh lương cho CBCNV năm 2019
7	45/QĐ-PTHH	24/6/2020	Quyết định về việc điều chỉnh lương cho CBCNV

8	46/NQ-PTHH	23/6/2020	Nghị quyết về công tác cán bộ
9	48/QĐ-PTHH	24/6/2020	Quyết định về việc điều chỉnh lương cho CBCNV
10	59/NQ-PTHH	29/6/2020	Nghị quyết về công tác cán bộ
11	60/NQ-PTHH	29/6/2020	Nghị quyết về việc xây dựng nhà ăn ca tại Bãi container Đông Hải
12	64/NQ-PTHH	14/7/2020	Nghị quyết về việc lựa chọn đơn vị soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2020
13	65/NQ-PTHH	14/7/2020	Nghị quyết về việc bổ nhiệm Người Phụ trách quản trị và Thư ký Công ty
14	66/NQ-PTHH	14/7/2020	Nghị quyết trích từ Biên bản họp HĐQT số 01/BB-HĐQT ngày 07/7/2020
15	67/NQ-PTHH	14/7/2020	Nghị quyết triển khai thực hiện NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
16	70/NQ-PTHH	22/7/2020	Nghị quyết trích từ Biên bản họp HĐQT số 02/BB-HĐQT ngày 20/7/2020
17	73/NQ-PTHH	04/8/2020	Nghị quyết trích từ Biên bản họp HĐQT số 03/BB-HĐQT ngày 30/7/2020
18	74/QĐ-PTHH	04/8/2020	Quyết định về việc cử thay thế NĐDPV của Công ty CP Phát triển Hàng hải tại Công ty CP DVHH Hải Âu
19	75/QĐ-PTHH	04/8/2020	Quyết định về việc thay thế thành viên BKS tại Công ty VNLSY
20	90/QĐ-PTHH	07/9/2020	Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty
21	99/NQ-PTHH	22/9/2020	Nghị quyết về việc Công ty không mua lại phần vốn góp chào bán của thành viên góp vốn còn lại tại Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines Shipyard
22	102/NQ-PTHH	30/9/2020	Nghị quyết họp HĐQT ngày 24/9/2020
22	105/QĐ-HĐQT	30/9/2020	Quyết định về việc điều chỉnh lương cho CBCNV
23	106/NQ-PTHH	30/9/2020	Nghị quyết thông qua nội dung tại Tờ trình số 18/TTr-PTHH ngày 31/8/2020 của TGD Công ty
24	111/NQ-PTHH	27/10/2020	Nghị quyết họp HĐQT ngày 19/10/2020

25	142/NQ-PTHH	24/11/2020	Nghị quyết về cuộc họp HĐQT ngày 19/11/2020
26	146/QĐ-PTHH	24/11/2020	Quyết định về công tác cán bộ
27	158/NQ-PTHH	25/12/2020	Nghị quyết họp HĐQT ngày 15/12/2020

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp)

Thành viên HĐQT độc lập cơ bản tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

## 2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành):

STT	Thành viên BKS	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Bà Trần Thị Thanh Thủy	Trưởng BKS	0%
2	Bà Tạ Kim Chi	Thành viên BKS	0,0138%
3	Bà Dương Thu Hiền	Thành viên BKS	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp):

- Ban kiểm soát Công ty tổ chức, giám sát việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty trên cơ sở phân công nhiệm vụ trong Ban kiểm soát, đưa ra khuyến cáo và kiến nghị kịp thời.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị của Công ty, cuộc họp giao ban về sản xuất kinh doanh Công ty khi được thông báo. Tổ chức các cuộc họp của BKS, thường xuyên duy trì việc trao đổi và đánh giá tình hình hoạt động của Công ty với Ban điều hành Công ty.

- Xem xét và thẩm định các báo cáo theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, bao gồm: (1) Báo cáo kết quả kinh doanh; (2) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán; (3) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ)

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Công ty là 3.120.803.750 đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên):

Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên):

Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty):

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành của Ban Tổng giám đốc và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành.

## **VI. Báo cáo tài chính**

### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải được lập ngày 05 tháng 03 năm 2021, từ trang 08 đến trang 20, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến người đọc các vấn đề sau:

Như đã thuyết minh tại Thuyết minh số 9 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, các dự án Bắc Rạch Chiềc - Phước Bình và Bắc Rạch Chiềc - Phước Long A đang được thanh kiểm tra bởi các Cơ quan quản lý Nhà nước về việc thực hiện các dự án này, đến thời điểm 31/12/2021 vẫn chưa có kết luận cuối cùng về công tác thanh kiểm tra. Việc tiếp tục thực hiện các dự án này

phụ thuộc vào quyết định của các Cơ quan có thẩm quyền.

Tại Thuyết minh số 32, Công ty đã trình bày khoản nợ tiềm tàng phải trả Công ty Cổ phần SACA, nhưng chưa xác định được cụ thể nghĩa vụ phải trả do diện tích đất phải bàn giao cho Công ty Cổ phần SACA đang có tranh chấp với Công ty TNHH Vĩnh Lộc.

Các vấn đề nhân mạnh này không ảnh hưởng đến kết luận chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính này tại ngày 09/03/2020.

### **Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

---

**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán  
số: 0743-2018-002-1

*Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm  
2021*

---

**Lê Văn Hưng**

Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán  
số: 3953-2018-  
002-1

## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

(Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên)

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>143.906.610.060</b>	<b>129.210.882,218</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		<b>25.259.758.068</b>	<b>31.869.904.700</b>
1. Tiền	111		24.041.362.753	15.860.428.506
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.218.395.315	16.009.476.194
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		<b>58.527.547.089</b>	<b>35.330.972.705</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		967.760.500	967.760.500
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-696.692.182	-661.260.500
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		58.256.478.771	35.024.472.705
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		<b>56.498.070.244</b>	<b>58.513.469.280</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		56.244.264.723	57.615.406.958
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.656.829.497	1.816.024.562
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		2.750.022.059	3.061.396.269
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-4.153.046.035	-3.979.358.509
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		<b>2.300.704.082</b>	<b>2.511.519.870</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.300.704.082	2.511.519.870
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		<b>1.320.530.577</b>	<b>985.015.663</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		402.030.859	465.114.567

2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		866.936.807	511.534.970
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		51.562.911	8.366.126
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>124.429.580.467</b>	<b>127.840.034.787</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>25.381.263.831</b>	<b>25.326.623.831</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		24.653.398.581	24.653.398.581
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		727.865.250	673.225.250
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>28.590.437.903</b>	<b>32.285.632.159</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		25.713.354.580	29.283.548.832
- Nguyên giá	222		128.244.859.662	127.922.000.026
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-102.631.505.082	-98.638.451.194
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			0
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		2.877.083.323	3.002.083.327
- Nguyên giá	228		3.200.000.000	3.200.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-322.916.677	-197.916.673
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			<b>0</b>
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>49.615.413.232</b>	<b>48.692.018.065</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		49.615.413.232	48.692.018.065
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>16.018.604.958</b>	<b>16.599.666.351</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5.400.000.000	5.400.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33.594.424.002	33.594.424.002
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-22.975.819.044	-22.394.757.651
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			



VI. Tài sản dài hạn khác	260		<b>4.823.860.543</b>	<b>4.936.094.381</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.823.860.543	4.936.094.381
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>268.336.190.527</b>	<b>257.050.917.005</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>110.928.527.847</b>	<b>109.259.704.813</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>56.636.761.133</b>	<b>55.870.108.338</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		21.610.933.870	20.777.647.305
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		230.827.890	5.999.976
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		2.375.777.246	1.990.716.697
4. Phải trả người lao động	314		8.807.687.905	7.433.630.355
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		929.953.159	751.935.918
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		21.461.447.050	24.488.466.288
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.220.134.013	421.711.799
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>54.291.766.714</b>	<b>53.389.596.475</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337		54.291.766.714	53.389.596.475
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			

13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		<b>157.407.662.680</b>	<b>147.791.212.192</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410		<b>157.407.662.680</b>	<b>147.791.212.192</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		<b>90.000.000.000</b>	<b>90.000.000.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	90.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.000.000.000	20.000.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-20.000	-20.000
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.830.983.651	16.830.983.651
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.576.699.029	20.960.248.541
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		19.123.269.243	14.593.971.634
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.453.429.786	6.366.276.907
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		<b>268.336.190.527</b>	<b>257.050.917.005</b>

**BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		232.243.606.863	237.859.262.045
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		232.243.606.863	237.859.262.045
4. Giá vốn hàng bán	11		204.974.259.721	215.512.105.287
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		27.269.347.142	22.347.156.758
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.233.247.644	3.204.027.637
7. Chi phí tài chính	22		728.699.546	237.203.592
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25		1.528.294.019	894.358.803
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		17.141.554.491	17.050.687.604
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26)}	30		11.104.046.730	7.368.934.396
12. Thu nhập khác	31		3.329.154.292	996.335.515
13. Chi phí khác	32		192.663.790	547.020.082
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.136.490.502	449.315.433
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		14.240.537.232	7.818.249.829
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.787.107.446	1.451.972.922
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		11.453.429.786	6.366.276.907
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61			
20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62			
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.273	707
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

**BẢNG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
(PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		14.240.537.232	7.818.249.829
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2		4.118.053.892	4.305.336.431
- Các khoản dự phòng	3		790.180.601	616.740.179
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4		44.150.398	(11.129.517)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(3.117.067.351)	(3.204.547.643)
- Chi phí lãi vay	6			
- Các khoản điều chỉnh khác	7			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		16.075.854.772	9.524.649.279
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		1.321.559.169	(11.528.392.132)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		210.815.788	(1.143.276.776)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		95.266.295	6.071.532.488
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		175.317.546	361.987.425
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.011.972.921)	(330.715.658)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.038.557.084)	(1.125.260.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.828.283.565	1.830.524.626
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.346.254.803)	(370.233.781)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	55.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(58.256.478.711)	(30.000.000.000)

4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		35.024.472.075	10.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.183.981.070	2.304.976.460
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21.394.279.799)	(18.010.257.321)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(3.204.999.000)
7. Tiền thu từ vốn góp của cổ đông không kiểm soát	37			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(3.204.999.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(6.565.996.234)	(19.384.731.695)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		31.869.904.700	51.243.506.878
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(44.150.398)	11.129.517
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		25.259.758.068	31.869.904.700

Hải Phòng, ngày 13 tháng 4 năm 2021  
 Người đại diện trước pháp luật của Công ty

Tổng giám đốc



Đoàn Ngọc Tú